TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 36 (05/9-09/9/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

Tăng trưởng một số nền kinh tế lớn Q2.2022 sau điều chỉnh lại
Trung Quốc: Lạm phát thấp hơn dự báo, ngoại thương giảm sút, dự trữ ngoại hối thấp nhất kể từ 10/2018;
Trong tháng 8/2022, giá hàng hóa năng lượng thế giới tăng 1,3%; hàng hóa phi năng lượng ít biến động; Trong tuần, giá dầu thế giới theo xu hướng giảm nhẹ; giá vàng có tuần tăng nhẹ đầu tiên sau 4 tuần;
Khả năng Fed tăng lãi suất thêm 0,75% đã tăng lên tới 91%;
ECB nâng lãi suất chủ chốt thêm 75 điểm cơ bản;
Đồng Yên yếu gây bất lợi cho doanh nghiệp và bất ổn với nền kinh tế Nhật.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

IMF đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam;
Ngân hàng Nhà nước bổ sung hạn mức tín dụng cho một số tổ chức tín dụng;
Tỷ lệ đấu thầu thành công TPCP trong tuần chỉ đạt 0,36%;
Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 109.617 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	5,90	1,48	1,48	5,17
1 Tuần	6,09	1,59	1,59	4,66
2 Tuần	6,72	1,81	1,81	4,49
1 Tháng	5,99	1,32	1,32	3,76
3 Tháng	6,28	1,05	1,05	3,69
6 Tháng	7,80	1,07	1,07	4,58
9Tháng*	7,13	-0,29	-0,29	3,87
Ghi chú: Ngày áp dụng: 8/9/2022				

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
5/9/2022	7	2,5	10.000	13/13	14.999,99	4,5
6/9/2022	7	2,5	10.000	15/14	14.999,99	4,6
7/9/2022	7	2,5	10.000	16/16	13.720,04	4,5
8/9/2022	7	2,5	10.000	7/7	4.708,74	4,5
9/9/2022	7	2,5	10.000	4/3	999,99	4,5
Tổng cộng			10.000		**49.428,75**	

Nguồn: NHNN

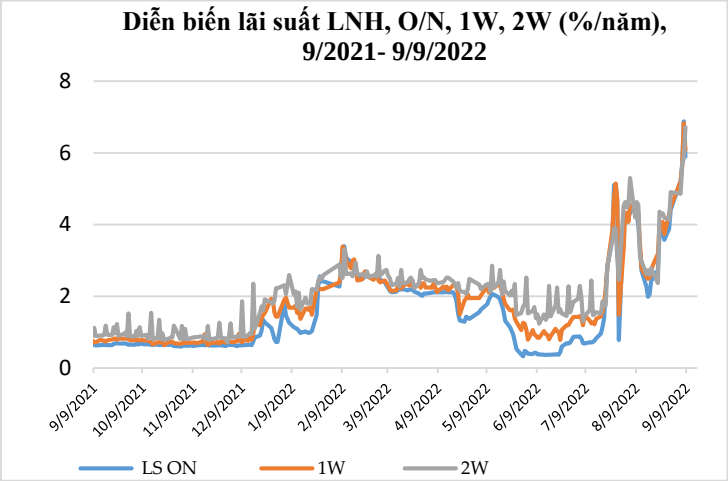
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		**Lũy kế năm 2022**		**Tuần 36 (05/09/2022 - 09/09/2022)**			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1.43		0.98			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		42%		0,36%			
Chi tiết gọi thầu		**Giá trị *(tỷ VND)***		**Giá trị *(tỷ VND)***			
1	3 Năm	18.500		1.000			
2	5 Năm	21.500		1.500			
3	7 Năm	4.000					
4	10 Năm	97.300		3.500			
5	15 Năm	89.700		3.500			
6	20 Năm	10.500					
7	30 Năm	17.000					
	Tổng	**258.500**		**9.500**			
Chi tiết đặt thầu		**Giá trị *(tỷVND)***	**Lãi suất(%)**	**Giá trị *(tỷVND)***	**Lãi suất(%)**		
1	3 Năm	16.100	2,2 - 3,8	500	3,7 - 3,7		
2	5 Năm	14.035	1,55 - 3,9	400	3,25 - 3,5		
3	7 Năm	7.200	1,3 - 3,45				
4	10 Năm	172.656	2,05 - 4,5	4.636	2,85 - 4,1		
5	15 Năm	132.205	2,33 - 4,3	3.800	3,23 - 4,3		
6	20 Năm	6.915	2,73 - 3,5				
7	30 Năm	19.560	2,94 - 3,6				
	Tổng	**368.671**		**9.336**			
Chi tiết trúng thầu		**Giá trị *(tỷVND)***	**Lãi suất(%)**	**Giá trị *(tỷVND)***	**Lãisuất(%)**	**Tuần trước**	**Tuần 31/12/2021**
						+/-điểm%	*+/-điểm%*
1	3 Năm	4.700	2,3 - 2,4	0	0 - 0		
2	5 Năm	300	2,39 - 2,7	0	0 - 0		
3	7 Năm	0	0 - 0		0 - 0		
4	10 Năm	52.472	2,07 - 2,85	35	2,85 - 2,85	0%	
5	15 Năm	41.255	2,35 - 3,15	0			
6	20 Năm	2.265	2,75 - 2,75				
7	30 Năm	8.625	2,96 - 3,01				
	Tổng	**109.617**		**35**			

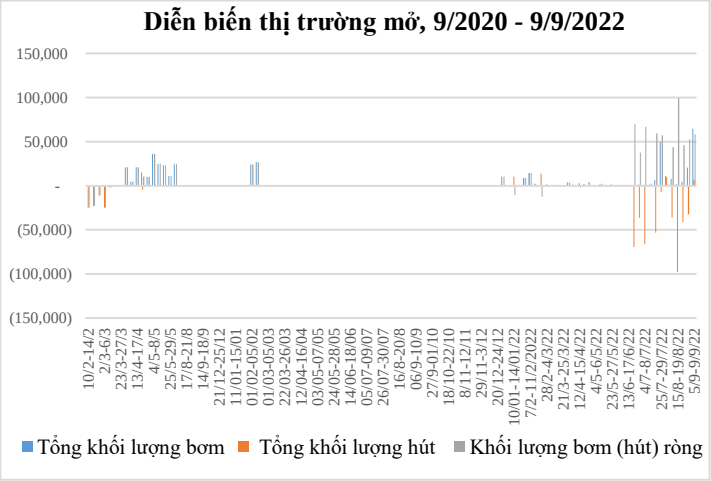
Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ *(Đồ thị)*

1.Thị trường tiền tệ

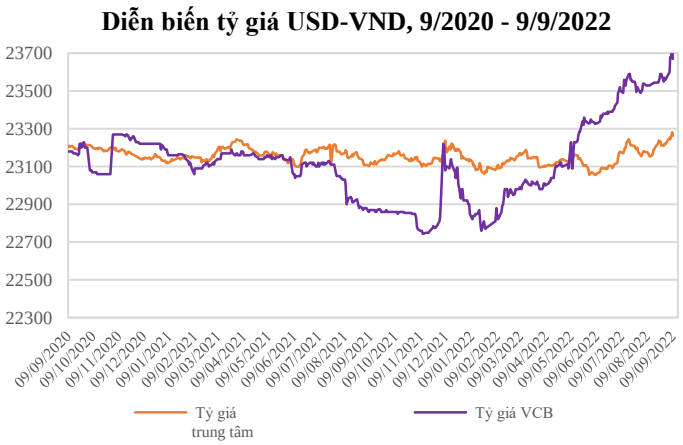


Nguồn: NHNN

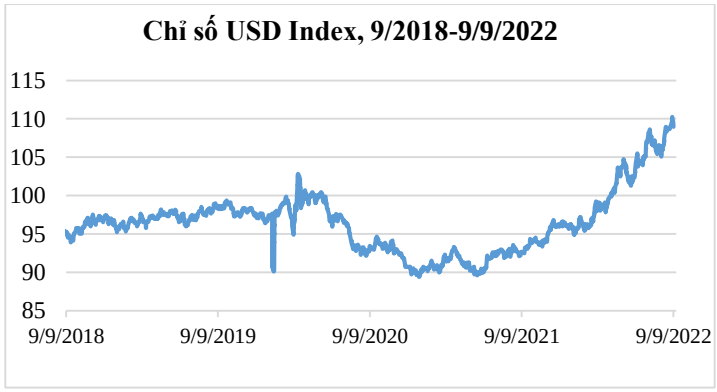


Nguồn: NHNN

2. Thị trường ngoại hối

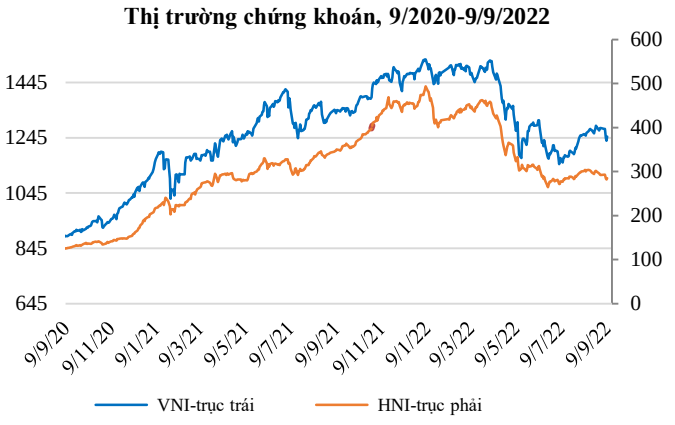


Nguồn: NHNN

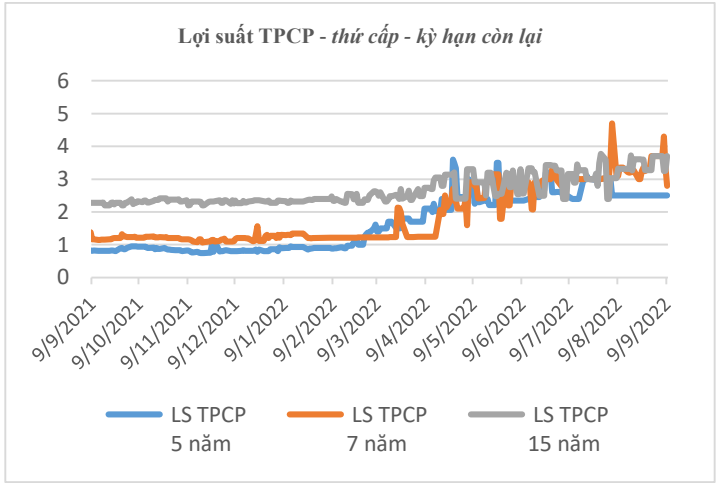


Nguồn: Trading economics

3. Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 36 (05/9-09/9/2022)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	2.50%	1.75 %	27/07/2022	21/09/2022
ECB	EURO Zone	1.25%	0.50 %	08/09/2022	27/10/2022
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	22/09/2022
PBoC	Tr/Quốc	2.75%	2.85 %	15/08/2022	NA
RBA	Úc	2.35%	1.85%	06/09/2022	04/10/2022
BoE	Anh	1.75%	1.25 %	04/08/2022	15/09/2022
BOK	Hàn Quốc	2.50%	2.25 %	25/08/2022	14/10/2022
BI	Indonesia	3.75%	3.50 %	23/08/2022	22/09/2022
BNM	Malaysia	2.50%	2.25%	08/09/2022	03/11/2022
BOT	Thái Lan	0.75%	0.50%	10/08/2022	28/09/2022
CBR	Nga	8.00%	9.50%	22/07/2022	16/09/2022

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.00458	0.93%	-2.44%	-14.94%
GBPUSD	1.15875	0.64%	-5.21%	-16.22%
AUDUSD	0.68367	0.43%	-3.40%	-7.01%
USDJPY	142.556	1.67%	7.29%	29.71%
USDCNY	6.93620	0.26%	3.17%	7.65%
USDCAD	1.30260	-0.81%	1.98%	2.74%
USDRUB	60.5000	0.41%	2.33%	-17.33%
USDKRW	1379.77	1.37%	6.35%	17.91%
DXY	108.9763	-0.51%	3.59%	17.71%
USDTHB	36.3200	-0.95%	2.74%	11.07%
USDSGD	1.39840	-0.21%	2.10%	4.22%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	3.3210	0.12%	0.53%	1.97%
UK	3.0950	0.18%	1.14%	2.34%
Japan	0.2500	0.01%	0.06%	0.21%
Australia	3.5960	-0.04%	0.33%	2.36%
Germany	1.7000	0.18%	0.81%	2.03%
China	2.6520	0.02%	-0.09%	-0.23%
Hong Kong	3.1940	-0.02%	0.54%	2.10%
Indonesia	7.1770	0.03%	0.07%	1.02%
Malaysia	4.0460	0.02%	0.09%	0.80%
Philippines	6.6480	0.14%	0.68%	2.45%
Singapore	3.0920	0.02%	0.39%	1.70%
South Korea	3.6200	-0.13%	0.41%	1.61%
Taiwan	1.3100	0.08%	0.11%	0.88%
Thailand	2.6200	0.14%	0.16%	0.97%
Vietnam	3.8170	0.10%	0.10%	1.74%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/-% 1 W	+/-% 1 M	+/-% YTD	+/-% 1Y	+/-% 3 Y
Dow Jones	+2.66%	-3.56%	-11.52%	-7.10%	+18.48%
S&P 500	+3.65%	-3.33%	-14.66%	-8.77%	+35.54%
Nasdaq	+4.14%	-5.22%	-22.58%	-19.87%	+48.26%
DAX	+0.29%	-4.43%	-17.61%	-16.15%	+5.90%
FTSE 100	+0.96%	-1.54%	-0.45%	+4.58%	+0.18%
CAC 40	+0.73%	-5.08%	-13.15%	-6.77%	+10.58%
Euro Stoxx 50	+0.72%	-4.98%	-16.95%	-14.39%	+1.51%
Nikkei 225	+2.04%	+1.42%	-2.00%	-7.13%	+30.64%
Shanghai	+2.37%	-0.60%	-10.38%	-11.91%	+8.42%
Hang Seng	-0.46%	-3.59%	-17.25%	-26.11%	-28.71%
SET	+2.00%	+1.99%	-0.18%	+1.18%	-1.16%
KOSPI	-1.04%	-5.53%	-19.93%	-23.72%	+16.35%
IDX Com	+0.91%	+1.15%	+10.05%	+18.83%	+13.49%
PSEi	-1.29%	-1.12%	-7.25%	-5.23%	-17.09%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	86.218	-0.75%	-5.46%	23.66%
Natural gas USD/MMBtu	8.0312	-8.59%	-2.08%	62.64%
Gasoline USD/Gal	2.4209	-1.73%	-13.37%	12.39%
2.Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1716.41	0.29%	-4.23%	-3.97%
Silver USD/t.oz	18.841	4.54%	-8.39%	-20.56%
Lithium CNY/T	495500	0.61%	3.99%	256.47%
Platinum SD/t.oz	881.00	5.51%	-6.44%	-7.80%

I. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	3.5810	4.66%	-2.04%	-19.49%
Steel CNY/T	3918.00	3.19%	-4.28%	-30.09%
Iron Ore USD/T	104.50	6.63%	-6.28%	-19.31%
Aluminum USD/T	2287.00	-0.37%	-8.13%	-21.82%
Tin USD/T	20851	-8.52%	-14.19%	-35.65%
ZincUSD/T	3182.00	1.48%	-11.82%	2.27%
Nikel USD/T	22959	12.13%	2.40%	12.40%
Coal USD/T	435.25	0.06%	9.18%	145.07%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics,Investing, 10/9/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Các nền kinh tế lớn đều suy giảm, Nhật Bản vẫn trì trệ

(GDP điều chỉnh/sơ bộ/dự báo)

Nhật Bản:

YOY: +3,5%/2,2%%/2,9% so với quý I là 0,2%

MoM: 0,9%/0,5% so với quý I là 0,1%.

Điều chỉnh tăng do tiêu dùng cá nhân tăng mạnh và chi tiêu chính phủ tăng nhanh hơn sau khi tình hình dịch bệnh được cải thiện.

Tâm lý kinh doanh cũng được cải thiện nhiều, xuất khẩu ròng đóng góp tích cực vào GDP.

Tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm

		Q3.21	Q4.21	Q1.22	Q2 đ/chỉnh
Mỹ	**y/y**	12.2	4.9	3.5	1.7
	q/q	2.3	6.9	-1.6	-0.6
Khu vực EURO	**y/y**	3.9	4.8	5.4	4.1
	q/q	2.2	0.5	0.7	0.8
Trung Quốc	**y/y**	4.9	4	4.8	0.4
	q/q	0.7	1.5	1.4	-2.6
Nhật Bản	**y/y**	1.2	0.5	0.6	1.6
	q/q	-0.4	1	0.1	0.9

Nguồn: S&P Global/Tổng hợp từ Tradingeconomics

Trung Quốc: Một số dữ liệu kinh tế tháng 8/2022

Lạm phát thấp hơn dự báo

(tháng 8.2022/tháng 7/dự báo)

CPI y/y: + 2,5%/2,7%/2,8%.

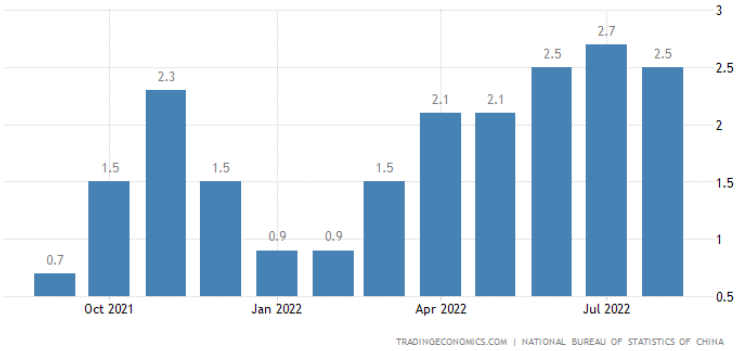
CPI m/m: -0,1%/+0,5%/+0,2%

PPI y/y: +2,3%/+4,2%/+3,1%

PPI m/m: -1,2%/1,3%

Đây là tháng thứ 20 PPI tăng chậm lại.

Lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt



Ngoại thương giảm sút

Xuất khẩu y/y: 7,1%/18%/12,8% - mức tăng trưởng thấp nhất dưới một con số lần đầu tiên từ tháng 4/2022. Nguyên nhân do gián đoạn sản lượng do các biện pháp hạn chế chống Covid-19, thời tiết nóng nực, hạn hán và nhu cầu thế giới giảm do lo ngại lạm phát tiếp tục tăng.

8 tháng đầu năm: xuất khẩu tăng 13,5% y/y.

Nhập khẩu y/y: 0,3%/2,3%/1,1% - mức thấp nhất kể từ tháng 4/2022 do cầu trong nước yếu.

Nhập từ Nga tăng gần 60%, từ ASEAN tăng trên 25%.

8 tháng đầu năm tăng 4,6% y/y.

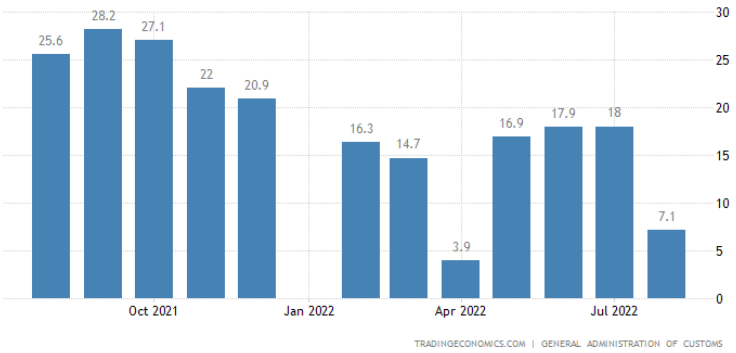
Thặng dư thương mại giảm xuống mức thấp nhất 3 tháng qua còn 73,39 tỷ USD, thấp hơn mức dự báo là 92,7 tỷ USD.

8 tháng đầu năm, thặng dư thương mại đạt 560,52 tỷ USD. Xuất khẩu (y/y) tăng 13,5%, nhập khẩu 4,6%.

Nhập khẩu sa sút



Xuất khẩu suy giảm mạnh



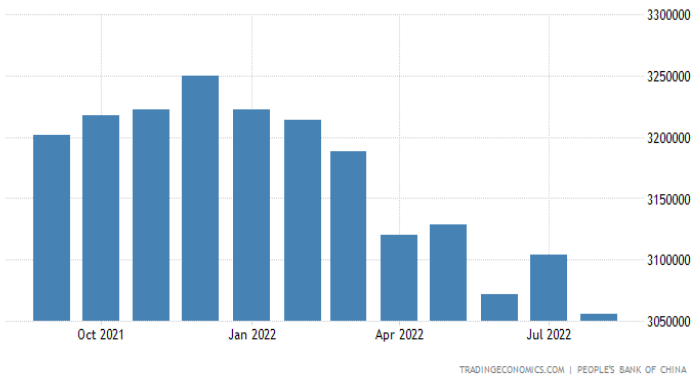
Dự trữ ngoại hối thấp nhất kể từ 10/2018

Dự trữ ngoại hối trong tháng 8/2022 giảm 49,2 tỷ USD xuống còn 3,055 nghìn tỷ USD – mức thấp nhất kể từ tháng 10/2018. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp giảm, chủ yếu do đồng USD mạnh lên trong bối cảnh Fed sẽ tiếp tục tăng lãi suất và lo ngại suy thoái toàn cầu.

Trong tháng 8, CNY giảm 2,24% giá trị so với USD, trong khi USD tăng 2,7% giá trị so với rổ tiền tệ mạnh khác.

Dự trữ vàng của Trung Quốc cũng giảm từ mức tháng 7 là 109,84 tỷ USD xuống còn 107,49 tỷ USD.

Dự trữ ngoại hối sụt giảm



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới

Trong tháng 8/2022, giá hàng hóa năng lượng tăng 1,3%; hàng hóa phi năng lượng ít biến động

Giá khí đốt ở châu Âu tăng mạnh 36,5%, than trên 14%.

Giá hàng hóa phi năng lượng ít biến động, giá nông sản tăng nhẹ 1%, giá lương thực giảm 1,6%. Đồ uống tăng 4,4%, nguyên vật liệu thô giảm 2,2%, phân bón tăng 1,5%.

Giá kim loại tăng 3,7%, trong đó thiếc tăng 15,5%, đồng 5,8%, chì 4,4%.

Giá kim loại quý tăng 2,1%.

Trong tuần 5-9/9/2022, giá dầu theo xu hướng giảm nhẹ; giá vàng có tuần tăng nhẹ đầu tiên sau 4 tuần.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/9, hợp đồng dầu Brent tăng 3,30 USD (tương đương 3,7%) lên 92,45 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 3,11 USD (tương đương 3,7%) lên 86,65 USD/thùng.

Tuy nhiên, so với tuần trước nữa, cả 2 hợp đồng dầu đều ghi nhận mức giảm, với dầu Brent mất 0,6% trong tuần qua sau khi có thời điểm chạm mức thấp nhất kể từ tháng 01/2022. Dầu WTI giảm 0,3% trong tuần.

Giá dầu hiện chịu áp lực từ việc nâng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và các lệnh phong toả Covid-19 ở Trung Quốc.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/9, hợp đồng vàng giao ngay tăng 0,5% lên 1.716,30 USD/oz, sau khi tăng lên mức cao nhất kể từ ngày 30/8 vào đầu phiên. Hợp đồng vàng tương lai tăng thêm 0,4% lên 1.727 USD/oz. Vàng đã tăng 0,3% trong tuần qua, đánh dấu tuần tăng đầu tiên trong 4 tuần.

Giá vàng tăng chủ yếu do USD tạm thời suy yếu, qua đó dường như giảm bớt một số áp lực lên kim loại quý từ triển vọng nâng lãi suất mạnh hơn. Lãi suất cao làm tăng chi phí cơ hội cho việc nắm giữ kim loại không đem lại lợi suất.

Nguồn: Worldbank/Opec/Kitco

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

Fed: Xác suất tăng mạnh lãi suất chủ chốt

Dữ liệu thống kê của CME Group dựa trên các giao dịch đến 09/9/2022 cho thấy khả năng Fed tăng lãi suất thêm 0,75% đã tăng lên tới 91%.

Từ đầu năm đến nay, Fed đã tăng lãi suất 4 lần, tổng cộng tăng 2,25 điểm phần trăm. Trong đó có 2 lần tăng 0,75 điểm phần trăm liên tiếp trong tháng 6 và tháng 7, cũng là đợt tăng mạnh mẽ nhất kể từ đầu những năm 1990, khi Fed bắt đầu sử dụng lãi suất cơ bản làm công cụ chính sách chủ chốt.

Xác suất Fed tăng lãi suất mục tiêu

Target Rate (in bps)

TARGET RATE (BPS)	PROBABILITY(%)			
	NOW*	1 DAY 9 SEP 2022	1 WEEK 2 SEP 2022	1 MONTH 11 AUG 2022
275-300	9.0%	9.0%	43.0%	57.0%
300-325	91.0%	91.0%	57.0%	43.0%

* Data as of 11 Sep 2022 03:29:04 CT

3/15/2023 and forward are projected meeting dates

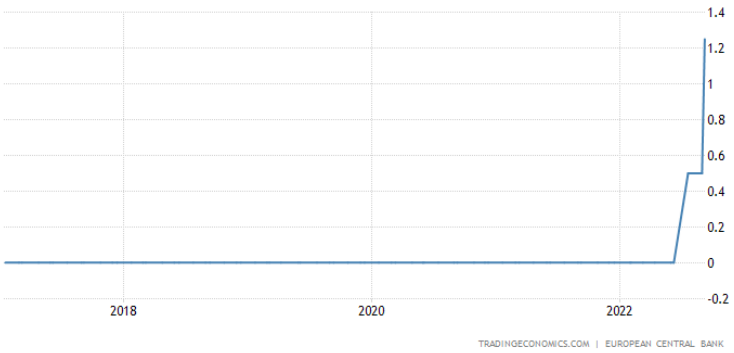
Nguồn: CME/CNBC

ECB: Nâng lãi suất chủ chốt 75 điểm cơ bản

Sau phiên họp chính sách tháng 9/2022 ngày 7/9, NHTW châu Âu đã tăng lãi suất chủ chốt lên 75 điểm cơ bản đúng như thị trường dự báo. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn lên mức 1,25%, lãi suất chiết khấu (MLF) lên 1,5%, lãi suất tiền gửi lên 0,75%.

Các thành viên hội đồng chính sách ECB cũng giữ quan điểm tiếp tục nâng lãi suất cao nữa trong những cuộc họp sắp tới nhằm kéo giảm nhu cầu và phòng ngừa rủi ro do kỳ vọng lạm phát tiếp tục tăng.

ECB nâng lãi suất điều hành



Nguồn: ECB/Reuters

BOJ: Đồng Yên yếu gây bất lợi cho doanh nghiệp và bất ổn với nền kinh tế

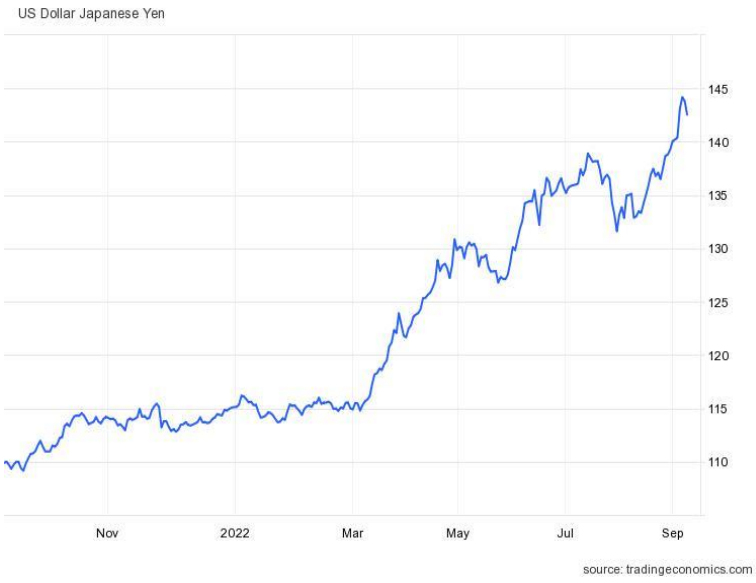
Những biến động nhanh gần đây của đồng JPY là mối bất lợi cho các doanh nghiệp Nhật Bản, gia tăng biến động cho nền kinh tế. NHTW Nhật Bản (BOJ) và Bộ Tài chính Nhật đều lo ngại điều này.

Thống đốc BOJ Haruhiko Kuroda tiếp tục đưa ra cảnh báo về sự bất ổn khi đồng tiền này tuần qua đã trượt xuống mức thấp nhất trong vòng 24 năm qua so với USD.

Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản Shunichi Suzuki cho biết những biến động của đồng JPY gần đây, một phần là do các động thái đầu cơ, không "phản ánh các nguyên tắc kinh tế cơ bản ổn định"

Sự khác biệt trong lập trường chính sách tiền tệ của BoJ với các ngân hàng tương đương như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã khiến đồng JPYsuy yếu vì BOJ không vội vàng tăng lãi suất bất chấp lạm phát tăng cao.

Đồng Yên yếu



Đồng JPY yếu được coi là một lợi thế cho các nhà xuất khẩu Nhật Bản, nhưng lại là bất lợi khi chi phí nhập khẩu hàng hóa sẽ cao hơn, đặc biệt với đất nước ít tài nguyên và trong bối cảnh chiến tranh Ukraine chưa có hồi kết.

Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

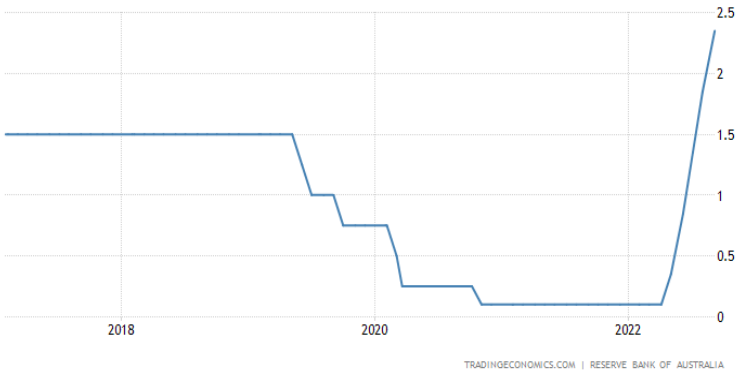
Một số NHTW nâng lãi suất trong tuần

NHTW Úc: tiếp tục nâng lãi suất cơ sở thêm 50 điểm cơ bản (đcb) lên 2,35% trong cuộc họp ngày 7/9. Đây là lần thứ 5 liên tiếp trong năm nay (tháng 5 tăng 25 đcb, 3 tháng tiếp theo đều tăng 50 đcb mỗi tháng).

NHTW Canada: lần thứ 5 tăng lãi suất cơ sở liên tiếp, tăng 75 điểm cơ bản lên 3,25% - mức cao nhất kể từ 2008.

NHTW Malaysia: lần thứ 3 tăng lãi suất cơ sở, tăng thêm 25 điểm cơ bản lên 2,5% - đây là mức cao nhất trong vòng 2 năm qua**.**

NHTW Úc tăng mạnh lãi suất



Nguồn: Centralbanking/Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

IMF đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

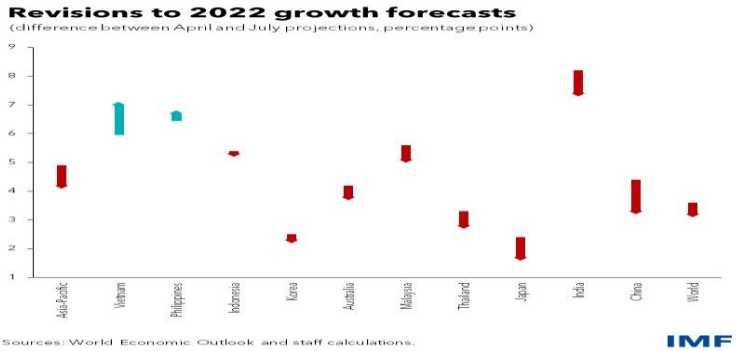
Trong báo cáo tháng 7/2022, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, cao hơn 1 điểm % so với mức dự báo của ba tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng mạnh duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

Dù dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 hạ xuống còn 6,7%, tức giảm 0,5 điểm % so với dự báo trước đó nhưng vẫn là mức khả quan so với viễn cảnh u ám ở các nước khác và là mức tăng trưởng nhanh nhất trong số các nền kinh tế lớn của châu Á.

Kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng do nới lỏng và linh hoạt các biện pháp kiểm soát dịch COVID-19, đồng thời áp dụng chiến lược sống chung với COVID-19 cũng như tiến hành chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn.

Chính phủ thực hiện các chính sách hỗ trợ như duy trì lãi suất thấp, tăng trưởng tín dụng mạnh và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội phù hợp, cùng với đó là hoạt động sản xuất tăng cao và sự phục hồi trong hoạt động bán lẻ và du lịch.

IMF điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á 2022



Kinh tế Việt Nam cũng gặp phải những trở ngại do tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc. Sự suy giảm này sẽ làm giảm nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là từ các đối tác thương mại quan trọng như Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu (EU).

Ngoài ra, Việt Nam đang siết chặt các quy định tài chính khi Mỹ và các nền kinh tế phát triển khác tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Việc này làm tăng chi phí tài chính và có thể khiến dòng vốn chảy ra ngoài.

Bất ổn về thương mại toàn cầu và thị trường tài chính gia tăng có thể ảnh hưởng đến khả năng phục hồi, đặc biệt nếu một số ngành không thể tiếp cận hàng hóa trung gian cần thiết do chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Điều đó có thể làm giảm đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, làm chậm tốc độ tăng trưởng sản xuất và công nghệ.

Nguồn:IMF (Vietnam's Upbeat Growth)

Ngân hàng Nhà nước bổ sung hạn mức tín dụng cho một số tổ chức tín dụng

Căn cứ kết quả xếp hạng mới nhất theo Thông tư 52/2018/TT-NHNN, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng trong năm 2022, diễn biến thị trường và định hướng từ đầu năm tại Chỉ thị 01, NHNN đã thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2022 đối với một số tổ chức tín dụng.

Duy trì mục tiêu trần tăng trưởng tín dụng cả năm của hệ thống quanh mức 14%, NHNN thận trọng cấp thêm từ 1% đến 4% "room" tín dụng so với mức cũ, tuỳ từng ngân hàng.

Việc điều chỉnh hạn mức tín dụng đợt này của các ngân hàng vẫn dựa trên đơn đề nghị của các ngân hàng và căn cứ điểm xếp hạng của NHNN (*căn cứ vào kết quả xếp hạng từng tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư 52 (đã được sửa đổi, bổ sung); xem xét một số yếu tố cụ thể hóa chủ trương, định hướng điều hành của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước như tổ chức tín dụng tham gia hỗ trợ xử lý các TCTD yếu kém; giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tín dụng vào lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro…*).

Vietcombank được cấp thêm 2,7% (hạn mức cũ 15%);

Agribank được cấp thêm 3,5% (7);

Sacombank thêm 4% (7%)

…

Nguồn: NHNN/ndh.vn

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 36, từ 5/9-9/9/2022 diễn ra cơ bản ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt.

- Trong tuần từ 05/09 - 09/09. Chốt ngày 09/09, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,51% (-0,52 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 4,69% (-0,40 đpt); 2W 4,87% (-0,22 đpt); 1M 5,16% (+0,10%).

- Lãi suất VND LNH tăng 3 phiên đầu tuần sau đó giảm mạnh trở lại.
- Trong tuần, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, có 1 phiên bổ sung kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất.

- Trên thị trường mở tuần từ 05/09 - 09/09, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, có 1 phiên bổ sung kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 64.428,74 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất ở mức 4,5 – 4,65%. Trong tuần có 22.376,97 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, có 16.100 tỷ đồng tín phiếu đến hạn trong tuần.

Như vậy, NHNN bơm ròng 58.151,77 tỷ VND ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng mạnh lên mức 64.428,74 tỷ VND.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 34 diễn ra ổn định.

Do chính sách điều hành tỷ giá của Fed, nên áp lực tăng tỷ giá là khá lớn, thể hiện ở sự chênh lệch giữa tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá trung tâm, thị trường tự do đang khá lớn.

- Chỉ số USD Index trong tuần biến động mạnh, đầu tuần leo mạnh lên trên ngưỡng 110, cuối phiên chốt tuần ở mức 108,973 điểm, giảm nhẹ 0,288 điểm so với cuối phiên tuần trước.

- Trong các phiên từ 05/09 - 09/09, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh ở 4 phiên đầu tuần, phiên cuối tuần giảm trở lại. Chốt ngày 09/09, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.263 VND/USD, tăng 44 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.
- Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng 2 phiên đầu tuần, sau đó dừng niêm yết. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 23.400 VND/USD trong 2 phiên đầu tuần, 3 phiên cuối tuần được niêm yết lên 23.700 VND/USD, tăng 300 đồng so với trước đó.
- Tỷ giá niêm yết của VCB cuối phiên ngày 9/9 ở mức 23.670 VND/USD, tăng 110 đồng so với cuối phiên tuần trước và giảm 70 đồng so với phiên ngày hôm trước.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 36 (05/09/2022 - 09/09/2022)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **35/9.500** tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 0,36%. Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng là : 10 năm - lãi suất 2,85% (+ 0,00 điểm % so với tuần trước)

Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 109.617 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 36 (05/09/2022 - 09/09/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 4.849 tỷ đồng/ phiên, giảm 16,7 % so với tuần trước.

Lợi suất TPCP tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 09/09, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 2,85% (+0,25 đpt); 2 năm 3,05% (-0,01 đpt); 3 năm 3,08% (-0,01 đpt); 5 năm 3,15% (+0,07đpt); 7 năm 3,55% (+0,18 đpt); 10 năm 3,67% (+0,12 đpt); 15 năm 3,77% (+0,1 đpt); 30 năm 4,03% (+0,02 đpt).

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số chính của thị trường có điều chỉnh giảm so với tuần trước, thanh khoản bình quân đạt quanh mức 15,2 nghìn tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1248,78 điểm (-31,73 điểm; -2,5%) và *HNX Index* đóng cửa ở 284,63 điểm (-7,29 điểm ; -2,5%) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã bán ròng gần 900 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu[1]/GDP[2] tại ngày 9/9/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 73,7%. Với mức này thì giảm 15,1 điểm % so với cuối năm 2020 và giảm 49,75% so với cuối năm 2021.

1. *Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (6,49 triệu tỷ VND)*
2. *GDP TCTK công bố 4 quý gần nhất - FMSIS (8,810 triệu tỷ VND)*

Nguồn: HSX,HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị quyết 116/NQ-CP Chính phủ 2022 phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	05/09/2022	05/09/2022	https://luatvietnam.vn/tai-chinh/nghi-quyet-116-nq-cp-229107-d1.html
VPCP	Thông báo số 280/TB-VPCP về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá ngày 24 tháng 8 năm 2022	07/09/2022	07/09/2022	https://vpcp.chinhphu.vn/ van-ban-ban-hanh.htm
CP	Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về việc thông qua dự thảo Báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm xã hội năm 2021	09/09/2022	09/09/2022	https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-quyet-120-nq-cp-229402-d1.html
	2. Ngân hàng			
	3. Tài chính			

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	4. Chính phủ, bộ ngành			
	5. Ngân hàng			
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối	06/09/2022		https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/ddnhnn/
	6. Tài chính			
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ	07/09/2022		https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA